

Số: **333**/QĐ-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày **28** tháng **6** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học**  
**tại Trường Đại học Hà Tĩnh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH**

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên, Trưởng các khoa, bộ môn trực thuộc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.



Đoàn Hoài Sơn

## QUY CHẾ

### Đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Hà Tĩnh

(Ban hành theo Quyết định số **333**/QĐ-TĐHHT ngày **28** tháng 6 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc trường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Trường.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường có khối lượng tối thiểu là 120 tín chỉ, không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh.

4. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến

chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

5. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá của chương trình đào tạo đối với mỗi hình thức đào tạo.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy là 4 năm học;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với các ngành cấp bằng kỹ sư hình thức đào tạo chính quy là 4,5 năm học;

c) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 5 năm học;

d) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với các ngành cấp bằng kỹ sư hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 5,5 năm học.

Sinh viên có thể rút ngắn hoặc hoặc kéo dài (theo quy định tại Khoản 6 điều này) thời gian hoàn thành khóa học.

6. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học.

a) Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo chính quy là 08 năm;

b) Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với các ngành cấp bằng kỹ sư hình thức đào tạo chính quy là 09 năm;

c) Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 10 năm;

d) Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học đối với các ngành cấp bằng kỹ sư hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 11 năm;

e) Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

### **Điều 3. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình;

c) Học phần tương đương là các học phần thuộc cùng khối/nhóm kiến thức và cùng số tín chỉ trong cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực tương ứng có thể thay thế nhau;

d) Học phần thay thế là học phần tương đương với học phần trong các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực nhưng không còn được giảng dạy hoặc đã cập nhật, thay đổi.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đề án, khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

4. Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

#### **Điều 4. Phương thức tổ chức đào tạo**

1. Đào tạo theo tín chỉ:

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Đào tạo theo niên chế:

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khoá học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại;

b) Sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo;

c) Sinh viên được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng sinh viên khóa sau để học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

Trường áp dụng linh hoạt giữa hai phương thức tổ chức đào tạo.

### **Điều 5. Hình thức đào tạo**

#### 1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định cụ thể của Trường. Hiệu trưởng quy định thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy phù hợp với thực tế của Trường.

#### 2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 6 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường, cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 6. Liên kết đào tạo**

1. Trường liên kết đào tạo theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học với các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

#### 2. Các yêu cầu tối thiểu đối với Trường:

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024

yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Trường và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ sở chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì liên kết để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng cơ sở chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d) Cơ sở chủ trì đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

## **Chương II**

### **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

#### **Điều 7. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập được xây dựng theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, Trường tổ chức thêm 01 học kỳ phụ.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Sinh viên học theo niên chế đăng ký học lại những học phần chưa đạt dự định sẽ học trong học kỳ, đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký học những học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo.

6. Trong trường hợp đặc biệt việc phân bổ các học kỳ, thời gian, địa điểm, hình thức bố trí các giờ lên lớp được Hiệu trưởng quyết định.

### **Điều 8. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Trường hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học tập.

2. Các học phần dự định sẽ đăng ký học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Phương thức đăng ký.

a) Đăng ký mặc định: Căn cứ vào kế hoạch dự kiến trong chương trình đào tạo, Trường đăng ký mặc định một hoặc một số học phần bắt buộc cho sinh viên, sinh viên tự kiểm tra và điều chỉnh;

b) Sinh viên tự đăng ký: Sinh viên dùng tài khoản cá nhân của mình đăng ký qua hệ thống quản lý đào tạo của Trường hoặc đăng ký bằng phiếu.

4. Khối lượng tín chỉ sinh viên phải đăng ký quy định như sau:

a) Học kỳ chính: tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 24 tín chỉ;

b) Học kỳ phụ: tối đa 12 tín chỉ;

5. Số tín chỉ tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

a) Không có lớp học phần mà sinh viên đăng ký học;

b) Tổng số tín chỉ chưa tích lũy của sinh viên ít hơn số tín chỉ tối thiểu.

6. Rút bớt học phần đã đăng ký.

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong 2 tuần kể từ học kỳ chính bắt đầu, trong 1 tuần kể từ học kỳ phụ bắt đầu. Ngoài thời hạn quy định, nếu sinh viên không đi học được xem như tự ý bỏ học, sinh viên phải nhận điểm F và vẫn bị tính 100% học phí của học phần bỏ học.

### **Điều 9. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Tổ chức lớp học.

Sinh viên trúng tuyển nhập học được xếp vào học theo ngành, chương trình đào tạo đã đăng ký.

2. Lớp học được tổ chức theo 2 loại.

a) Lớp sinh viên là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa học, cùng ngành hoặc cùng chương trình đào tạo;

b) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho sinh viên đăng ký cùng một học phần theo thời khóa biểu học kỳ.

3. Thời khóa biểu và phân công giảng dạy.

a) Theo kế hoạch năm học, các khoa, bộ môn phân công giảng dạy các lớp học phần, phòng Đào tạo xây dựng thời khóa biểu theo từng học kỳ;

b) Trong buổi học đầu tiên của học kỳ, giảng viên hướng dẫn đề cương chi tiết học phần và các quy định khác liên quan đến học phần.

4. Tổ chức dạy và học.

a) Dạy và học trực tiếp, giảng viên và sinh viên thực hiện công việc giảng dạy và học tập theo thời khóa biểu tại lớp hoặc tại địa điểm tổ chức lớp học khác ở trong hoặc ngoài trường;

b) Dạy và học trực tuyến, đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Dạy và học trực tuyến được thực hiện theo quy định của Trường.



## 5. Thực tập, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

### a) Thực tập.

Tùy theo chương trình đào tạo mỗi chuyên ngành, sinh viên có thể đăng ký thực tập 01 năm hoặc thực tập tốt nghiệp. Thời gian thực tập tốt nghiệp là 8 tuần đến 10 tuần. Theo kế hoạch đào tạo, các khoa gửi nội dung, kế hoạch thực tập, danh sách sinh viên thực tập và cử giảng viên hướng dẫn gửi phòng Đào tạo, Hiệu trưởng ký Quyết định;

Điểm đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 (trừ các ngành đào tạo giáo viên có quy định riêng) bao gồm: điểm ý thức, thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập có trọng số 40% (Điểm đánh giá của cơ quan thực tập có trọng số 20% và điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn có trọng số 20%); điểm chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp có trọng số 60%;

Đối với thực tập 01 năm được đánh giá thông qua 03 báo cáo thực tập của sinh viên tương đương 03 học phần, mỗi học phần 9 tín chỉ (thực tập 1, thực tập 2 và thực tập tốt nghiệp). Đối với sinh viên thực tập trong nước có thêm điểm đánh giá của cơ quan thực tập đối với việc thực hiện nền nếp, kỷ luật, ý thức thái độ và năng lực làm việc của sinh viên trong quá trình thực tập.

### b) Làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Đầu học kỳ năm học cuối khóa, sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điều kiện để sinh viên có thể đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, đối với làm khóa luận tốt nghiệp điểm TBC tích lũy phải đạt từ 2.5 trở lên theo thang điểm 4, đối với làm đồ án tốt nghiệp điểm TBC tích lũy phải đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4.

Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học một số học phần chuyên môn thay thế để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi để làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa;

Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại hoặc đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế với số tín chỉ tương đương trong chương trình.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; trách nhiệm của giảng viên được phân công hướng dẫn sinh viên thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và trách nhiệm của khoa, bộ môn, phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan được thực hiện theo các quy định về nội dung, hình thức thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của Hiệu trưởng;

d) Theo từng học kỳ, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ tất cả người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong học kỳ đó (bao gồm nội dung: các điều kiện đảm bảo cho việc dạy và học; hiệu quả giảng dạy của giảng viên; hiệu quả học tập của người học;...). Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học được gửi đến trường các đơn vị trực thuộc và toàn thể giảng viên trong Trường để biết và thực hiện điều chỉnh những bất cập (nếu có) nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học.

### **Chương III**

## **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP**

### **Điều 10. Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ, trừ các trường hợp được quy định tại điểm f khoản này.

a) Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính bao gồm:

- (1). Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (A: trung bình cộng của các bài kiểm tra);
- (2). Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (B);
- (3). Điểm đánh giá phần thực hành (nếu có) (C);
- (4). Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10) (D);
- (5). Điểm thi giữa học phần (E);
- (6). Điểm thi kết thúc học phần (được tổ chức vào cuối mỗi học kỳ) hoặc điểm tiểu luận thay thế (T).

A	B	C	D	E	Điểm trung bình bộ phận	T	Điểm học phần
Hệ số: 2 (20%)	Trung bình cộng của B, C, D (M) Hệ số: 1 (10%)			Hệ số: 2 (20%)	$BP = \frac{A*2 + M + E*2}{5}$	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	$TK = \frac{BP + T}{2}$

Trong đó:

**TK** là điểm học phần;

**BP** là điểm trung bình bộ phận của học phần;

**T** là điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm tiểu luận thay thế;

(**TK, BP, T** làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

b) Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ (được làm tròn đến một chữ số thập phân) là điểm của học phần thực hành. Căn cứ vào yêu cầu của chương trình, giảng viên đánh giá các bài thực hành, tổng hợp điểm vào sổ điểm diện và ghi điểm cá nhân;

c) Việc tổ chức đánh giá các học phần đồ án, khóa luận và các học phần đặc thù khác được quy định trong chương trình chi tiết. Hiệu trưởng quy định việc tổ chức đánh giá học phần thực tập;

d) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

	Thang điểm 10				Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ	8,5	đến	10	A	4,0
	Từ	8,0	đến	8,4	B+	3,5
	Từ	7,0	đến	7,9	B	3,0
	Từ	6,5	đến	6,9	C+	2,5
	Từ	5,5	đến	6,4	C	2,0
	Từ	5,0	đến	5,4	D+	1,5
	Từ	4,0	đến	4,9	D	1,0
Không đạt	Dưới 4				F	0,0

đ) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập

P: từ 5,0 trở lên;

e) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm.

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt được thi lại 01 (một) lần ở kỳ thi phụ kế tiếp, nếu không đạt phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần tương đương hoặc học phần thay thế ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên;

b) Ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác để cải thiện điểm trung bình tích lũy;

c) Tùy theo tình hình thực tế trường có thể tổ chức các kỳ thi phụ sau mỗi kỳ thi của học kỳ chính để sinh viên thi bù, thi lại và cho phép sinh viên đạt điểm D, D<sup>+</sup> được thi lại 01 (một) lần để cải thiện điểm;

d) Khi đăng ký học lại, thi lại, sinh viên được bảo lưu điểm trung bình bộ phận, điểm thi kết thúc học phần và được lấy điểm cao nhất trong các lần học, lần thi.

5. Đối với đào tạo theo niên chế sử dụng thang điểm 10.

### **Điều 11. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, tích lũy**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, sau từng năm học hoặc tích lũy từ đầu khóa dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm.

2. Để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như điểm d khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

3. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$ ;

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là tổng số học phần.

4. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

5. Những điểm chữ không được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 10 không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

6. Đào tạo theo niên chế và sử dụng thang điểm 10 thì tính các điểm trung bình dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10.

7. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến cận 3,60: Giỏi;

Từ 2,50 đến cận 3,20: Khá;

Từ 2,00 đến cận 2,50: Trung bình;

Từ 1,00 đến cận 2,00: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,00 đến 10,00: Xuất sắc;

Từ 8,00 đến cận 9,00: Giỏi;

Từ 7,00 đến cận 8,00: Khá;

Từ 5,00 đến cận 7,00: Trung bình;

Từ 4,00 đến cận 5,00: Yếu;

Dưới 4,00: Kém.

8. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;

b) Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;

c) Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;

d) Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;

đ) Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

### **Điều 12. Xử lý kết quả học tập**

1. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

a) Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập rơi vào một trong số các trường hợp sau:

Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

b) Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

Có 02 lần liên tiếp cảnh báo học tập;

Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này.

c) Quy trình, thủ tục cảnh báo học tập, buộc thôi học; việc thông báo hình thức áp dụng tới sinh viên do Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo các bước như sau:

Phòng Đào tạo thông báo danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học cho sinh viên qua các khoa;

Các khoa kiểm tra, rà soát các danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học, tổng hợp, lập báo cáo gửi phòng Đào tạo;

Trường tổ chức họp với đại diện lãnh đạo, trợ lý đào tạo của các khoa, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan để xem xét và quyết định danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học.

d) Trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học vì lý do cảnh báo kết quả học tập, kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên được bảo lưu.

## 2. Xử lý kết quả học tập theo niên chế

a) Cuối mỗi năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường và được học tiếp lên năm học sau nếu đạt cả hai điều kiện sau:

Điểm trung bình năm học đạt từ 4,0 trở lên đối với năm học thứ nhất, từ 4,5 trở lên đối với năm thứ hai và từ 5.0 đối với năm thứ ba trở đi;

Số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa không vượt quá 16.

b) Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

Điểm trung bình năm học đạt dưới 3,0;

Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 4,0 sau 2 năm học, dưới 4.5 sau 3 năm học trở đi;

Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này.

c) Sinh viên không thuộc diện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khóa sau để cải thiện kết quả học tập.

d) Quy trình, thủ tục được học tiếp lên năm học sau, buộc thôi học; việc thông báo hình thức áp dụng tới sinh viên do Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo các bước như sau:

Phòng Đào tạo thông báo danh sách sinh viên thuộc diện bị học cùng khóa sau, buộc thôi học cho sinh viên qua các khoa;

Các khoa kiểm tra, rà soát các danh sách sinh viên thuộc diện bị học cùng khóa sau, buộc thôi học, tổng hợp, lập báo cáo gửi phòng Đào tạo;

Trường tổ chức họp với đại diện lãnh đạo, trợ lý đào tạo của các khoa, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan để xem xét và quyết định danh sách sinh viên thuộc diện bị học cùng khóa sau, buộc thôi học.

e) Sinh viên được bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học.

### **Điều 13. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của khoa xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Trường công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 14. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với cơ sở đào tạo.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa, được quy định tại khoản 7 Điều 11 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt



nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo cấp trường trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-An ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được bảo lưu, được cấp chứng nhận các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

6. Quy trình, thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm.

Trường tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp vào học kỳ cuối của khóa học, ngoài ra tuần cuối cùng của tháng sẽ xét và công nhận tốt nghiệp nếu có sinh viên làm đơn xin xét tốt nghiệp.

a) Phòng Đào tạo

Tổ chức triển khai kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên;

Chuyển danh sách sinh viên dự kiến được công nhận tốt nghiệp cho các đơn vị;

Rà soát, kiểm tra tính chính xác của các điều kiện xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên theo quy chế đào tạo hiện hành;

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị để xét các điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên;

Tổng hợp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp từ các khoa, các đơn vị liên quan trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp trường;

b) Các khoa

Căn cứ danh sách sinh viên dự kiến được công nhận tốt nghiệp từ phòng Đào tạo, thực hiện kiểm tra, rà soát hồ sơ sinh viên tốt nghiệp;

Kiểm tra, rà soát các học phần, số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của sinh viên;

Thông báo sinh viên hoàn thành mọi nghĩa vụ với Trường (học phí, các kinh phí khác, tài liệu thư viện...);

Rà soát điều kiện xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên lưu ban, sinh viên học vượt đủ điều kiện tốt nghiệp trước thời hạn so với kế hoạch học tập chuẩn được thiết kế của CTĐT;

Tiến hành xét điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên và gửi hồ sơ xác nhận về Trường (qua Phòng Đào tạo) chậm nhất là 10 ngày từ khi nhận danh sách sinh viên dự kiến được công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ xét điều kiện tốt nghiệp phải được lập và lưu trữ tại khoa chủ quản, Phòng Đào tạo;

c) Phòng Công tác Chính trị - HSSV

Chủ trì, phối hợp với các khoa đánh giá, xếp loại rèn luyện và cập nhật vào hệ thống phần mềm; lập danh sách sinh viên thuộc diện bị kỷ luật cảnh cáo trở lên đối với sinh viên xếp loại giỏi, xuất sắc (nếu có);

d. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan rà soát, kiểm tra sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp còn thiếu học phí, thiếu các khoản kinh phí khác; thông báo cho sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ trước khi được xét và công nhận tốt nghiệp;

e) Trung tâm Thông tin - Thư viện

Phối hợp với các khoa thông báo cho sinh viên xét tốt nghiệp hoàn trả tài liệu cho Nhà trường;

f) Sinh viên

Kiểm tra, đính chính sửa sai (nếu có) và cập nhật thông tin cá nhân phục vụ in bằng tốt nghiệp. Trước các đợt xét tốt nghiệp sinh viên thực hiện kiểm tra thông tin cá nhân, nếu có bất kỳ thông tin nào không đúng, sinh viên mang thẻ sinh viên, chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu đến phòng Đào tạo để điều chỉnh. Sinh viên có thông tin bị sai, không thực hiện đính chính, phải chịu trách nhiệm với thông tin in trên văn bằng tốt nghiệp và hồ sơ sinh viên;

Kiểm tra kết quả học tập, rèn luyện bao gồm: Điểm tích lũy học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa, tổng số tín chỉ tích lũy, kết quả rèn luyện....;

Đăng ký xét tốt nghiệp khác thời gian quy định, sinh viên lưu ban, sinh viên học vượt đủ điều kiện tốt nghiệp phải viết đơn xin xét tốt nghiệp nộp về phòng Đào tạo.

7. Cho phép sinh viên hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa tương ứng (nếu có) của Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến.

## Chương IV

### NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời, trở lại học và thôi học phải có đơn nộp về phòng Đào tạo và được Hiệu trưởng xem xét quyết định.

#### **Điều 16. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học**

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này;
- b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;
- c) Trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- d) Được sự đồng ý của của hiệu trưởng Trường.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Sinh viên chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức học phải có đơn nộp về phòng Đào tạo và được hiệu trưởng xem xét quyết định.

### **Điều 17. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Căn cứ vào quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Trường cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Nếu được hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý sinh viên của cơ sở đào tạo này có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

3. Trong hợp tác đào tạo giữa Trường và các cơ sở đào tạo khác, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

4. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của hiệu trưởng.

### **Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các

quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 6 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh, năng lực đào tạo.

7. Sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai phải nộp hồ sơ (đơn, kết quả tuyển sinh đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng theo chương trình thứ hai, kết quả học tập chương trình thứ nhất) về phòng Đào tạo và được Hiệu trưởng quyết định.

### **Điều 19. Học liên thông đối với người có văn bằng khác**

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của Trường đối với các ngành đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

4. Việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch với mọi đối tượng, bảo đảm chặt chẽ yêu cầu về chất lượng, áp dụng chuẩn đầu ra chung như đối với những sinh viên khác.

### **Điều 20. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin**

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Trường công khai trên trang thông tin điện tử của mình chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành và quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế này; trong đó phải ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

e) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

f) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

### **Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị trong Trường**

1. Lãnh đạo các khoa và các đơn vị có liên quan thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc đơn vị để biết và thực hiện; chủ trì và phối hợp thực hiện các công tác theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định của đơn vị.

2. Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến nội dung Quy chế này đến sinh viên trong toàn trường.

### **Điều 23. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2021;

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên kịp thời phản ánh về Phòng Đào tạo để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.